TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-PT
Ngày 26-11-2018
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan
Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng;
Bà Nguyễn Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang*:** Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 272/2018/HNGĐ-ST, ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2018/QĐ-PT, ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Xuân T**, sinh năm 1977
ĐKHKTT: thôn S, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở hiện nay: Tập thể trường Trung học cơ sở V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1976
Địa chỉ: xóm 6, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Ngô Thị Xuân T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Xuân T trình bày:

Chị và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 02/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị T làm việc và ở tại tập thể của trường Trung học cơ sở (THCS) L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang còn anh P thường xuyên đi làm ăn xa ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai...Đến năm 2014, chị T chuyển đến công tác và ở tại tập thể của trường THCS V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau thời gian chung sống không lâu chị phát hiện anh P có tham gia tệ nạn xã hội, không tu chí làm ăn và không chu cấp tiền để chị nuôi con, đầu năm 2017 chị và anh P sống ly thân, đến cuối năm 2017

do anh P ghen tuông, nên thường xuyên bạo hành chị cả về thể xác và tinh thần, xúc phạm chị trước mặt đồng nghiệp và học sinh trong trường, đập phá đồ dùng sinh hoạt gia đình tại nơi ở của chị và con. Vì vậy chị không thể tiếp tục chung sống với anh P, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/10/2009 hiện anh P đang nuôi dưỡng tại xóm 6, xã L, thành phố T. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì lý do: Việc chuyển học của cháu A từ trường tiểu học V, huyện C về trường tiểu học L, thành phố T là do anh P chủ động, chị phải chấp nhận. Anh P chăm sóc con không tốt để cháu hay bị ốm, anh thường gây khó khăn cho chị trong việc thăm đón con. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn P trình bày: Anh thừa nhận tình trạng kết hôn như chị Ttrình bày, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Năm 2012 do làm ăn bị thua lỗ nên anh phải đi làm xa để trả nợ, vì vậy khoảng từ một đến ba tháng anh mới về thăm mẹ con chị T tại tập thể trường THCS L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2014 anh trả xong nợ nần và về làm ăn tại thành phố T, thời gian này anh lên thăm đồng thời chi phí cho chị T và con nhiều hơn. Năm 2016, do chị T và mẹ đẻ anh mâu thuẫn nên chị T không về nhà anh nữa mà ở hẳn tại tập thể tại trường THCS V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó anh nghe thấy dư luận về việc chị T và một đồng nghiệp có quan hệ tình cảm và xảy ra đánh nhau, đồng thời anh cũng được nghe con trai Trần Bảo A nói về việc này nên vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi vã. Toàn bộ sự việc và mâu thuẫn vợ chồng anh đã được Tập thể lãnh đạo trường THCS V giải quyết, hoà giải (có lập biên bản). Anh cũng đã cùng chị T nói chuyện để bỏ qua tất cả, chị T nhất trí, sau đó chị T đổi ý làm đơn xin ly hôn, vì vậy anh nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Như chị T trình bày hiện anh đang nuôi dưỡng cháu Trần Bảo A tại nhà anh địa chỉ xóm 6, xã L, thành phố T. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Bảo A vì cháu A có nguyện vọng được ở với bố, hiện tại cháu A đang học tập và có cuộc sống ổn. Anh không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 272/2018/HNGĐ-ST, ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, Quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Xuân T và anh Trần Văn P.

2. Tuyên xử:

Về con chung: Giao con chung là Trần Bảo A, sinh ngày 24/10/2009 cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Ngô Thị Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại anh Pkhông yêu cầu).

Chị Ngô Thị Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Xuân T, đơn ghi ngày 12/10/2018, đơn kháng cáo có nội dung: Bản án sơ thẩm đã quyết định giao quyền nuôi con cho anh P nhưng chị không nhất trí việc giao con như vậy, bởi vì từ nhỏ cháu Trần Bảo A ở với chị được chị nuôi dưỡng đàng hoàng, đảm bảo sự phát triển của cháu. Chỉ từ đầu năm 2018 cháu A mới về ở với anh P và không được chăm sóc đầy đủ như vậy là không công bằng, không khách quan. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho chị được nuôi con để đảm bảo quyền lợi của chị và tương lai của cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Ngô Thị Xuân T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Chị xin được nuôi con chung vì hiện nay chị không sinh con được nữa chỉ còn cháu A làm bầu bạn nương tựa, phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố T không xem xét đến quyền lợi của chị. Đề nghị Tòa án cân nhắc xem xét giải quyết cho chị được nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Trần Văn P đề nghị: Không nhất trí yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Xuân T xin được nuôi con chung vì cháu A có nguyện vọng ở với bố, cháu chuyển trường học đã quen bạn, quen lớp, quen môi trường mới cuộc sống của cháu đã ổn định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của chị Ngô Thị Xuân T hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 272/2018/HNGĐ-ST, ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T về nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Xuân T: Không nhất trí bản án sơ thẩm giao con chung cháu Trần Bảo A cho anh Trần Văn P nuôi dưỡng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao cho chị được nuôi dưỡng cháu Trần Bảo A để đảm bảo quyền lợi của chị và tương lai của cháu.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Xuân T và anh Trần Văn P đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung cháu Trần Bảo A sinh ngày 24/10/2009.

Về điều kiện nuôi con: Chị Thiện ở tại tập thể của trường Trung học cơ sở V, huyện C (cách thị trấn huyện khoảng 9 km), thu nhập của chị T từ lương hàng tháng là 6.902.060đ (theo xác nhận của Ban giám hiệu nhà trường). Anh P sinh sống cùng mẹ đẻ tại xóm 6, xã L, thành phố T, theo Hợp đồng lao động thời vụ ngày 02/7/2018 anh P ký với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nha khoa ASEAN và bảng lương các tháng 7,8,9 của năm 2018, mức lương hàng tháng của anh P là 11.000.000đ. Như vậy xét về điều kiện cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên từ trước Tết nguyên đán năm 2017 sang năm 2018 anh P đã đón cháu Trần Bảo A về trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà ở xóm 6, xã L, thành phố T và chuyển trường học cho cháu về học tại trường tiểu học L, thành phố T. Lý do là có những dư luận không tốt về chị T đã được Ban giám hiệu và công đoàn trường Trung học cơ sở V, huyện C họp, lập biên bản giải quyết ngày 28/2/2018. Cháu A được anh P quan tâm chăm sóc đầy đủ về vật chất tinh thần, đưa đón đi học, anh P tạo điều kiện cho chị T thăm nom con chung không cản trở (nhân chứng chị Nguyễn Thị X, anh Ngô Văn C là hàng xóm xác nhận). Cháu A đã quen lớp, quen trường, quen môi trường mới cuộc sống của cháu đã ổn định. Trong bản tự khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cháu A đều có nguyện vọng xin được ở với bố. Do đó căn cứ vào nguyện vọng của con chung và để giữ ổn định tránh xáo trộn cần giao cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A. Chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

2.Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được nuôi con chung của chị Ngô Thị Xuân T

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về nuôi con chung như sau: Giao cho anh Trần Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/10/2009. Chị Ngô Thị Xuân T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ngô Thị Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Ngô Thị Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu số 0000125 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (do chị Ngô Thị Lệ Q nộp thay). Chị Ngô Thị Xuân T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 26/11/2018./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lưu Hồ Loan